TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày 11- 8- 2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Minh

2. Ông LươngThanh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Quyền- Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 08 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2023/TLST- DS ngày 03/04/2023 về vụ án: "*Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/QĐXX-ST ngày 28/07/2023 giữa;

Nguyên đơn: Ông Vương Minh D , sinh năm 1973 (vắngmặt)

Nơi cư trú: Số 479, tổ 6, YM, huyện YM, tỉnh HG.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C , sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố LV, thị trấn CN, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Vương Minh D trình bày: Ông Vương Minh D có 01 xe tải BKS:23D-00235 do thời gian đại dịch covid không có việc nên ông D có đăng thông tin cho thuê xe lên mạng xã hội Facebook. Anh Phạm Văn C có liên lạc thuê xe với ông D và giới thiệu là người của Công ty INARY có nhu cầu thuê xe tải của ông D .

Ngày 19/02/2022 hai bên làm Hợp đồng thuê xe thỏa thuận thuê trong thời hạn 06 tháng, tiền thuê xe một tháng là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Tiền thuê xe phải thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Ông D bàn giao xe cho anh C ngày 19/02/2022.

Sau khi thực hiện Hợp đồng được hơn một tháng anh C đã chuyển trả cho ông D được 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Đến ngày 23/3/2022 anh C có điện báo với ông Dũng là không làm việc tại Công ty INARY nữa và bộ phận kinh doanh của Công ty INARY vẫn có nhu cầu tiếp tục sử dụng xe của ông D , anh T nhân viên bộ phận kinh doanh Công ty Công ty Y sẽ trực tiếp sử dụng xe và thanh toán tiền cho ông D . Anh T có trả nhiều lần cho cho ông D mới được 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng số tiền của anh C và anh T chuyển cho ông D là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền thuê xe của 02 tháng.

Do anh T chuyển lắt nhắt nhiều lần mới được 5.500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền thuê xe mà không trả một lần vào ngày 20 hàng tháng như hợp đồng giữa ông D và anh C . Nên ông D đã điện cho anh C yêu cầu đưa xe trả cho ông D và kết thúc hợp đồng thuê. Nhưng ông D không thể liên lạc được với anh C , lúc thì anh C không nghe máy lúc thì không liên lạc được.

Sau 02 tháng giao xe cho anh C thì lại thấy anh Thái điện cho ông D nói anh T không sử dụng xe nữa mà anh T sẽ tiếp tục sử dụng xe của ông D . Từ ngày 19/4/2022 đến 22/12/2022 anh T có chuyển trả cho ông D 17 lần tổng tiền anh T chuyển trả cho ông D là 35.000.000đ (Ba lăm triệu đồng). Ông D yêu cầu trả xe anh Tùng không trả, anh C thì không liên lạc được. Ngày 10/01/2023 anh D mới lấy lại được xe tại bãi xe của siêu thị Big C Thanh Hóa.

Tính từ ngày ông D giao xe cho anh C 19/02/2022 đến ngày ông D lấy lại được xe 10/01/2023 là 10 tháng 20 ngày. Tiền thuê xe theo Hợp đồng là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Tổng số tiền ông D nhận được là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) gồm: Anh C trả cho ông D 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), anh T trả cho ông D 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và anh T trả cho ông D 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng).

Như vậy tiền thuê xe của ông D tính từ ngày giao xe cho anh C đến ngày ông D lấy lại được xe còn thiếu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ông D anh yêu cầu anh C có trách nhiệm trả phải cho ông D . Vì sau khi anh C thông báo nghỉ làm không trả xe cho ông D mà chuyển giao xe cho anh T sử dụng, rồi đến anh T sử dụng xe trong khi ông D không biết anh T và anh T là ai.

Ông D đã điện cho anh C yêu cầu giao trả xe thanh lý hợp đồng. Nhưng anh C không nghe điện thoại. Đến khi ông D báo Công an việc mất xe thì anh C mới nghe điện thoại. Cả người trực tiếp sử dụng xe và anh C đều không trả xe cho ông D . Anh C là người ký hợp đồng thuê xe và nhận xe từ ông D nên yêu cầu anh C có trách nhiệm trả tiền trong thời gian giữ xe của ông D .

Bị đơn: Anh Phạm Văn C trình bày:

Anh Phạm Văn C nộp hồ sơ tìm việc vào Công ty INARY thông qua mạng facebook. Anh Phạm Văn C tuyển dụng vào bộ phận kinh doanh của

Công ty. Công việc của anh Phạm Văn C đi tiếp thị hàng và Công ty khoán việc bộ phận kinh doanh tự thuê xe, Công ty Y không chịu trách nhiệm về xe. Anh C làm ở Công ty Y được hơn một năm nhưng không ký hợp đồng lao động mà thỏa thuận công việc bằng miệng với Công ty.

Anh Phạm Văn C có hợp đồng thuê xe của ông Vương Minh D 01 xe tải BKS:23D-00235 với tư cách cá nhân.

Ngày 19/02/2022 hai bên làm Hợp đồng thuê xe thỏa thuận thuê trong thời hạn 06 tháng, tiền thuê xe một tháng là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Tiền thuê xe phải thanh toán vào ngày 20 hàng tháng. Ông D bàn giao xe cho anh Công ngày 19/02/2022.

Sau khi thực hiện Hợp đồng được hơn một tháng anh C đã trả cho ông D được 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng). Do Công ty nợ tiền lương của anh C và gia đình có việc nên anh C nghỉ làm ở Công ty, anh em làm cùng anh C vẫn có nhu sử dụng xe của ông D nên anh C để xe lại cho anh T và anh T sử dụng xe và anh C có báo cho ông D biết việc anh C nghỉ làm từ ngày 23/3/2022 nhưng hai bên chưa kết thúc hợp đồng thuê xe và anh C chưa giao trả xe cho ông D .

Anh C và anh T sử dụng xe 02 tháng đã trả đủ tiền thuê xe cho ông D 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Anh T cùng bộ phận kinh doanh với anh C tiếp tục sử dụng xe của ông D và trả tiền không đủ với thời gian sử dụng xe.

Nay ông D kiện yêu cầu anh C phải thanh toán số tiền thuê xe còn thiếu là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Anh C công nhận do thiếu hiểu biết nên anh C cho rằng đã điện thông báo với ông D việc anh không sử dụng xe là xong. Qúa trình ông D điện thoại vì bận việc nên anh không nghe máy và anh C nghĩ anh không còn liên quan. Nay đề nghị số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho anh xin trả một nửa là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) vì hoàn cảnh kinh tế của anh cũng đang gặp khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng 481, 482 của Bộ luật dân sự buộc bên thuê tài sản là anh Phạm Văn C phải trả tiền thuê xe trong thời gian chậm trả xe cho nguyên đơn là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về án phí đề nghị HĐXX khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch của số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử văng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 của BLTTDS.

[2]. Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản"

HĐXX xét thấy: Việc thuê xe giữa ông Vương Minh D và anh Phạm Văn C là hợp đồng giữa hai cá nhân với nhau.

Phần các đương sự công nhận là ông Vương Minh D đã giao xe cho anh Phạm Văn C vào ngày 19/02/2022 và lấy lại xe ngày 10/01/2023. Thời gian giao xe là 10 tháng 20 ngày. Số tiền thuê xe ông D đã nhận là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Căn cứ Khoản 2 Điều 92 của BLTTDS đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Ông Vương Minh D đã ký hợp đồng cho thuê xe và giao xe cho anh Phạm Văn C vào ngày 19/02/2022. Ngày 23/3/2022 anh C thông báo nghỉ làm nhưng tổ kinh doanh của Công ty Y nơi anh C làm việc vẫn có nhu cầu tiếp tục thuê xe của ông D nên anh C để cho họ tiếp tục sử dụng xe của ông D mà không chấm dứt hợp đồng thuê xe và giao trả xe cho ông D . Sau khi anh C không sử dụng xe thì anh T là người tiếp tục sử dụng xe của ông D đã không trả tiền thuê xe theo thỏa thuận ông D đã gọi điện yêu cầu anh C chấm dứt hợp đồng thuê xe và trả xe cho ông D nhưng anh C không hợp tác trả xe cho anh D mà bỏ mặc.

Anh Phạm Văn C chưa kết thúc hợp đồng thuê xe với ông D mà C cho anh Thái và anh T sử dụng xe chỉ nói bằng lời nói không lập biên bản bàn giao xe. Khi ông D gọi điện yêu cầu anh C trả xe và chấm dứt hợp đồng thuê xe thì anh C lại không hợp tác mà bỏ mặc ông D . Trong khi ông D không có hợp đồng và không có ràng buộc gì với anh Thái và anh T . Bản thân anh C cũng không có hợp đồng lao động với Công ty Y. Không có cơ sở pháp lý để ràng buộc Công ty Y và anh T , anh T .

Dành quyền khởi kiện cho anh Phạm Văn C khởi kiện anh T bằng vụ án khác theo thẩm quyền quy định trong BLTTDS.

Đối với Hợp đồng thuê xe giữa anh Phạm Văn C và ông Vương Minh D thì anh C vi phạm nghĩa vụ giao trả xe thuê theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật dân sự năm 2015

" 2. Tài sản thuê là động sản thì địa điểm trả lại tài sản thuê là nơi cư trú của bên cho thuê,...

3.Khi bên thuê chậm trả tài sản thuê thì bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại tài sản thuê và trả tiền thuê trong thời gian chậm trả.."

Như vậy anh Phạm Văn C vi phạm nghĩa vụ trả tài sản thuê cho bên cho thuê nên phải chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền thuê xe do chậm giao xe cho ông Vương Minh D .

Về án phí: HĐXX căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bị đơn phải chịu toàn bộ án phí của số tiền thuê xe phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ áp dụng: Điều 481; Điều 482; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Vương Minh D . Buộc anh Phạm Văn C có tránh nhiệm trả số tiền thuê xe là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho ông Vương Minh D . Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

4. *Về án phí*: Anh Phạm Văn C phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ là 30.000.000đ bằng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho ông Vương Minh D là 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002021 ngày 27/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

5. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS
-Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Tâm ***Trươgn Thị Quý*** ***Trần Thị Quyên***

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS
-Tòa án tỉnh
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo ***Cao Xuân Bằng*** ***Trần Thị Quyên***

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến ***Nguyễn Văn Đàn*** ***Trần Thị Quyên***